

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/8/2017.

“ V/v Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Cao Thị Thu Hiền**

2/ Ông **Cao Thành Phước**

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT tham gia phiên tòa: Ông
Huỳnh Hữu Tài – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện MT xét xử công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2017, về việc tranh chấp: Xin ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1987 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề ngày 05/7/2017).

Địa chỉ HKTT: ấp C, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp PH, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: ấp C, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:

1/Về hôn nhân: Chị T và anh L qua tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2015 và được Ủy ban nhân dân xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2015 quyền số 01/2015 ngày 14/04/2015.

Sau ngày cưới chị T và anh L chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại ấp C, xã NP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng, không hợp nhau. Việc chị T và anh L phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình cha, mẹ hai bên hòa giải, khuyên can nhiều lần nhưng chị T cho rằng không còn tình cảm vợ chồng với anh L nên không thể đoàn tụ cùng anh L. Từ đó mâu thuẫn giữa chị T và anh L ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn quan T đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2/Về con chung:

Chị T trình bày: Giữa chị T và anh L chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Tường L1, sinh ngày 14/02/2015 hiện đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tường L1, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

3/Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh Nguyễn Văn L biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện của chị T, nhưng anh L không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, các phiên tòa mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Ngày 05/7/2017 chị Trần Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt tại các phiên tòa. Lý do bận đi làm xa không có điều kiện về tham dự phiên tòa, nhưng vẫn bảo lưu quan điểm nhưng đã trình bày tại đơn khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho phía bị đơn, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L. Về con chung giao cháu Tường L1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Về Tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn L đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Ngày 05/7/2017 chị Trần Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt, do bận đi làm xa không có điều kiện về tham dự phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Trong quá trình chung sống đã có phát sinh mâu thuẫn không thể khắc phục được nên sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay, không ai quan T đến cuộc sống của nhau nữa. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, không có khả năng đoàn tụ đã chứng minh tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh L có mâu thuẫn trầm trọng nên chị T xin ly hôn với anh L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và giấy triệu tập tham dự phiên tòa cho anh L hợp lệ nhưng anh L không đến tham dự các phiên hòa giải, các phiên họp công khai chứng cứ, các phiên tòa mà không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của anh L đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T “*Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91, Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015*”. Do đó, có căn cứ xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh L đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L.

[3] Về nuôi con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Tường L1, sinh ngày 14/02/2015. Xét thấy, anh L đã được Tòa thông báo về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị T nhưng anh L không có ý kiến phản đối. Đồng thời cháu Tường L1 hiện nay do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cho ăn học. Do đó, việc chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường L1 là có căn cứ, đảm bảo điều kiện sinh hoạt hằng ngày, việc học của cháu Tường L1 không bị thay đổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227; 238; 266; 267 của Luật tổ tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 09, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu T và anh Nguyễn Văn L.

2/ Về nuôi con chung: giao con chung tên Nguyễn Tường L1, sinh ngày 14/02/2015 cho chị Trần Thị Thu T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn L có quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

5/ Án phí: Chị Trần Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT, theo biên lai thu số 0005587 ngày 03/5/2017, chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị T, anh L biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND nơi chị T, anh L cư trú./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MT;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS huyện MT;
- UBND xã NP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Huỳnh Thị Linh